

**CÔNG TY CỔ PHẦN INSECO HOÀNG MAI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN INSECO HOÀNG MAI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INSECO HOANG MAI JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: INSECO HOANG MAI., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108335890

**3. Ngày thành lập:** 25/06/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 435 Tam Trinh, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912 381 005

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                         | 4763     |
| 2.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8552     |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý. Môi giới                                                                                                                                                                                                                                            | 4610     |
| 4.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>+ Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>+ Bán lẻ tranh ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>+ Bán lẻ xe đạp, kể cả xe đạp điện; | 4773     |
| 5.  | Giáo dục nghề nghiệp<br>Chi tiết : - Dạy nghề                                                                                                                                                                                                                                                      | 8532     |
| 6.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                   | 6619     |
| 7.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                          | 8230     |
| 8.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ                                                                                                                                                                                  | 7490     |
| 9.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết: Quán rượu, bia, quầy bar. Dịch vụ phục vụ đồ uống khác                                                                                                                                                                                                        | 5630     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn dụng cụ y tế;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;<br>- Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp; | 4649        |
| 11. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7710        |
| 12. | Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 9312        |
| 13. | Hoạt động thể thao khác<br>Chi tiết: Hoạt động của các nhà tổ chức sự kiện thể thao, hoạt động liên quan đến thúc đẩy các sự kiện thể thao (không bao gồm tổ chức hợp báo và các chương trình Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                      | 9319        |
| 14. | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 9311(Chính) |
| 15. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5629        |
| 16. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7310        |
| 17. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5610        |
| 18. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4641        |
| 19. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4771        |
| 20. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7730        |
| 21. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9321        |
| 22. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Cụ thể : - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển;<br>- Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền...                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 9329        |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4659        |
| 24. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8551        |
| 25. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7729        |
| 26. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7721        |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức        | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ THANH GIANG   | Số 01, Ngõ 95 Chương Dương, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 10,000    | 011325997                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                             | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐỖ HỮU LƯƠNG     | Số 10, tổ 9, cụm 2, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 300.000    | 3.000.000.000         | 30,000    | 0170790000<br>51                                                                            |         |
|     |                  |                                                                                             | Tổng số           | 300.000    | 3.000.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THẾ LÂM   | Thôn Đông Thiên, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 500.000    | 5.000.000.000         | 50,000    | 012633148                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                             | Tổng số           | 500.000    | 5.000.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | NGUYỄN THỊ HƯƠNG | Thôn Thượng, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 10,000    | 0241780002<br>35                                                                            |         |
|     |                  |                                                                                             | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THẾ LÂM

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *12/03/1974*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *012633148*

Ngày cấp: *24/12/2007*

Nơi cấp: *Công an Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Đông Thiên, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Đông Thiên, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*